|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: /NĐ-CP |  *Hà Nội, ngày tháng  năm*  |

**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

*Căn cứ**[Luật tổ chức Chính phủ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-to-chuc-Chinh-phu-2015-282379.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ**[Luật Quản lý ngoại thương](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Quan-ly-ngoai-thuong-2017-322219.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh**

Nghị định này quy định về xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng nông lâm thủy sản (gọi tắt là nông sản) Việt Nam và các chính sách hỗ trợ cho các sản phẩm nông sản mang nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam và thương hiệu vùng, miền. Nghị định không quy định về xây dựng, phát triển thương hiệu cho sản phẩm của doanh nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh gắn với xây dựng và phát triển, quản lý sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản;

2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp, chứng nhận, giám định thuộc tính, chất lượng sản phẩm;

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến quản lý sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản gắn với quản lý khai thác và sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Nhãn hiệu, Thương hiệu nông sản Việt Nam

2. Nhãn hiệu, Thương hiệu nông sản vùng, miền

**Điều 4. Nguyên tắc chung đối với xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

1. Thúc đẩy phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm nông sản

2. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện phù hợp với mục tiêu và năng lực tổ chức triển khai từ trung ương đến địa phương.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch trong xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản.

**Chương II**

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU, THƯƠNG HIỆU**

**NGÀNH HÀNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM**

**Điều 5. Nội dung xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu ngành hàng nông lâm thủy sản Việt Nam**

1. Quy định nội dung xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam

2. Quy định nội dung quản lý sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam

3. Hỗ trợ bảo hộ thương hiệu ngành hàng, sản phẩm nông sản Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

a) Nhãn hiệu, thương hiệu các sản phẩm ngành hàng nông lâm thủy sản được sử dụng tên gọi địa danh quốc gia “Việt Nam”;

b) Các Hiệp hội ngành hàng được giao quyền đứng tên chủ đơn đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

4. Nội dung chương trình phát triển nhãn hiệu, thương hiệu ngành hàng nông lâm thủy sản Việt Nam

a) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí, quy chế sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp các chương trình truyền thông, quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu ngành hàng nông lâm thủy sản Việt Nam ở trong nước và ngoài nước

c) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp các chương trình phát triển thị trường cho sản phẩm mang nhãn hiệu, thương hiệu ngành hàng nông lâm thủy sản Việt Nam ở trong nước và ngoài nước

5. Cơ quan quản lý chương trình, đơn vị chủ trì Đề án của Chương trình phát triển nhãn hiệu, thương hiệu ngành hàng nông lâm thủy sản Việt Nam

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý Chương trình

b) Đơn vị chủ trì đề án là các cơ quan thuộc Bộ, tỉnh/thành phố, hiệp hội ngành hàng được giao nhiệm vụ thực hiện các Đề án.

6. Quy định thủ tục, xét duyệt các Chương trình/đề án

**Điều 6. Quản lý nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ủy quyền hoặc giao các cơ quan, tổ chức, hiệp hội ngành hàng xây dựng và quản lý sử dụng các nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

2. Các Cơ quan, tổ chức, hiệp hội xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng các nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về việc quản lý sử dụng các nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

**Điều 7. Điều kiện cấp đăng ký sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

1. Quy định về các tiêu chí tại Quy chế quản lý và sử dụng Nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục cấp đăng ký sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

**Điều 8.** Thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý và cấp sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

1. Thanh tra chuyên ngành, kiểm tra về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, tổ chức chứng nhận chất lượng sản phẩm đạt tiêu chí cấp sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

2. Quy định trường hợp thu hồi và trình tự thủ tục thu hồi chứng nhận sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam.

3. Việc xử phạt các vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính.

**Chương III**

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU, THƯƠNG HIỆU**

**NÔNG SẢN VÙNG, MIỀN, ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 9. Nội dung xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương**

1. Quy định các sản phẩm mang nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương

2. Quy định nội dung xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương

3. Quy định nội dung quản lý nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương

4. Nội dung chương trình xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương

5. Cơ quản lý Chương trình, đơn vị chủ trì đề án của Chương trình

**Điều 10. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương**

 1. Quy định đăng ký bảo hộ tên gọi địa danh.

 2. Hỗ trợ xây dựng, phát triển và bảo hộ thương hiệu vùng, miền, địa phương

**Điều 11. Điều kiện, thủ tục cấp đăng ký sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu vùng, miền, địa phương**

Quy định về các tiêu chí tại Quy chế quản lý và sử dụng Nhãn hiệu, thương hiệu nông sản vùng, miền, địa phương

**Chương IV**

**CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU,**

**THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN VIỆT NAM**

**Điều 12. Chính sách hỗ trợ chuẩn hóa quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản**

1. Các chính sách về tín dụng và đầu tư sản xuất tập trung, quy mô lớn, ổn định

2. Hỗ trợ kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

3. Ưu tiên bố trí ngân sách nhân rộng mô hình

**Điều 13. Chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam ở trong và ngoài nước**

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tại trong nước.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ tại nước ngoài.

**Điều 14. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cho các chủ sở hữu, đơn vị tổ chức quản lý sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

 1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các chủ sở hữu kinh phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu ở trong nước.

 2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các chủ sở hữu kinh phí gia hạn bảo hộ nhãn hiệu tại nước ngoài.

 3. Hỗ trợ, bố trí kinh phí các chương trình tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn, tuyên truyền, phổ biến, quảng bá, vinh danh thương hiệu nông sản Việt Nam.

 **Điều 15. Chính sách hỗ trợ các chương trình truyền thông, quảng bá, phát triển thị trường**

1. Ưu tiên bố trí kinh phí tổ chức các chương trình truyền thông, quảng bá, phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

2. Hỗ trợ, bố trí kinh phí các chương trình tư vấn, phát triển thị trường tiêu thụ tại trong nước và quốc tế.

 **Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam**

1. Quy định nguồn kinh phí thực hiện

2. Quy định việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị định

3. Cơ chế tài chính

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ**

1.Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Bộ Công Thương

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

4. Bộ Tài chính

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác có liên quan

**Điều 18. Trách nhiệm của các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Chỉ đạo, phân cấp cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu vùng, miền, địa phương.

2. Bố trí ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp.

3. Tuyên truyền, hỗ trợ, triển khai chương trình quảng bá, phát triển thị trường.

4. Báo cáo tình hình và kết quả triển khai chính sách tại địa phương

 **Điều 19. Trách nhiệm của các Hiệp hội ngành hàng**

1. Triển khai việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam

2. Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản; Thực hiện quản lý sử dụng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu nông sản Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 202...
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT,  | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG** |

**PHỤ LỤC: QUY ĐỊNH BIỂU, MẪU, THỦ TỤC (NẾU CÓ)**